

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 15
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 10/2026/KDTM-ST

Ngày: 20-3-2026

V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Kim Thoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Thu Hương;

Bà Huỳnh Thị Thùy Dương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thảo Vy - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 37/2025/TLST- KDTM ngày 20 tháng 10 năm 2025 về việc “tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2026/QĐXXST-KDTM ngày 26 tháng 02 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2026/QĐST-KDTM ngày 12 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH A (Việt Nam), địa chỉ: Số C, V, đường số F, khu công nghiệp V - S, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Phương Q, sinh năm 1999; địa chỉ: Số C, tổ C, khu phố H, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 01/7/2025); có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Công ty TNHH MTV X, địa chỉ: Số D, đường Đ, khu phố P, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Võ Thị Bích T – chức vụ: Chủ tịch kiêm Giám đốc công ty; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/7/2025 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Công ty TNHH A (Việt Nam) và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Công ty TNHH A (Việt Nam) gọi tắt là Công ty A chuyên cung cấp hàng hóa là ván ép phủ phim. Ngày 01 tháng 06 năm 2024, Công ty A và Công ty TNHH MTV X gọi tắt

là Công ty X ký kết Hợp đồng nguyên tắc số 202401/DOTICONS-AKATI với nội dung: Bên A (bên bán) Công ty A sẽ cung cấp ván ép phủ phim cho bên B (bên mua) Công ty X; số lượng, chủng loại cung cấp cho Công ty X dựa theo từng đơn đặt hàng của Công ty X; ngày giao hàng được xác định căn cứ vào xác nhận đơn đặt hàng của người có thẩm quyền của Công ty X. Thời gian giao hàng: Do hai bên thỏa thuận và được Công ty X xác nhận ngày cụ thể trên từng đơn đặt hàng. Thời hạn thanh toán: Sau 30 ngày kể từ ngày Công ty X nhận hàng và nhận hóa đơn bán hàng; thanh toán bằng hình thức chuyển khoản hoặc tiền mặt. Hợp đồng nguyên tắc có hiệu lực từ ngày ký và hết hiệu lực khi các bên đã hoàn thành đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ thanh toán trong hợp đồng và không có tranh chấp gì; trường hợp các bên chưa hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ thì hợp đồng mặc nhiên còn hiệu lực.

Thực hiện hợp đồng nguyên tắc, Công ty A đã giao hàng đúng và đủ theo đơn đặt hàng của Công ty X, cụ thể tại các biên bản giao hàng, Công ty X xác nhận đã nhận đủ số lượng hàng hóa trong điều kiện và chất lượng đạt yêu cầu.

Tuy nhiên, Công ty X đã không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán như thỏa thuận của các bên trong hợp đồng. Ngày 03/03/2025, Công ty A đã đề nghị Công ty X thực hiện nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số tiền nợ quá hạn thông qua thông báo yêu cầu thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán nhưng công ty vẫn không thực hiện. Dựa theo hợp đồng nguyên tắc đã ký kết trước đó và dựa trên nhu cầu mua hàng của Công ty X thông qua các đơn đặt hàng mà Công ty X cung cấp, Công ty A đã tiến hành giao ván ép phủ phim cho Công ty X, được chia thành 05 đợt giao hàng tương ứng với 05 đơn đặt hàng được Công ty X xác nhận sau mỗi đợt giao. Tại bảng đối chiếu công nợ từ ngày 01/08/2024 đến ngày 31/10/2024, Công ty X xác nhận còn nợ Công ty A số tiền gốc mua hàng 1.183.439.160 đồng (một tỷ, một trăm tám mươi ba triệu, bốn trăm ba mươi chín nghìn, một trăm sáu mươi đồng.). Tại xác nhận kiểm toán ngày 22/04/2025, Công ty X xác nhận toàn bộ số tiền còn nợ Công ty A là 1.158.399.160 đồng (một tỷ, một trăm năm mươi tám triệu, ba trăm chín mươi chín nghìn, một trăm sáu mươi đồng). Công ty X đã thanh toán được cho Công ty A số tiền: 71.487.680 đồng, còn nợ: 1.086.911.480 đồng, cụ thể qua các hóa đơn giá trị gia tăng:

a. Hóa đơn số 1235 ngày 31/08/2024: Vào ngày 30/8/2024, công ty X đã giao 1160 tấm ván, tương ứng với tổng giá trị tiền thanh toán là 409.665.600 đồng. Lãi suất từ ngày 30/09/2024 đến ngày 29/12/2024 là $409.665.600 \text{ đồng} \times 10\%/12 \times 3 \text{ tháng} = 10.416.400 \text{ đồng}$.

- Thanh toán đợt 1 số tiền 100.000.000 đồng ngày 30/12/2024. Còn lại 309.665.600 đồng, lãi suất từ ngày 30/12/2024 đến ngày 23/01/2025 là $309.665.600 \text{ đồng} \times 10\%/12 \times 24 \text{ ngày} = 2.064.437 \text{ đồng}$.

- Thanh toán đợt 2 số tiền 100.000.000 đồng ngày 24/01/2025. Còn lại 209.665.600 đồng, lãi suất từ ngày 24/01/2025 đến ngày 31/03/2025 là $209.665.600 \text{ đồng} \times 10\%/12 \times 2 \text{ tháng} 6 \text{ ngày} = 3.843.869 \text{ đồng}$.

- Thanh toán đợt 3 số tiền 50.000.000 đồng ngày 01/04/2025. Còn lại 159.665.600 đồng, lãi suất từ ngày 01/04/2025 đến ngày 25/05/2025 là $159.665.600 \text{ đồng} \times 10\%/12 \times 1 \text{ tháng} 24 \text{ ngày} = 2.394.984 \text{ đồng}$.

- Thanh toán đợt 4 số tiền 2.328.480 đồng ngày 26/05/2025. Còn lại 157.337.120 đồng, lãi suất từ ngày 26/05/2025 đến ngày 28/05/2025 là $157.337.120 \text{ đồng} \times 10\%/12 \times 2 \text{ ngày} = 87.410 \text{ đồng}$.

- Thanh toán đợt 5 số tiền 4.039.200 đồng ngày 29/05/2025. Còn lại 153.297.920 đồng, lãi suất từ ngày 29/05/2025 đến ngày 15/06/2025 là $153.297.920 \text{ đồng} \times 10\%/12 \times 17 \text{ ngày} = 723.907 \text{ đồng}$.

- Thanh toán đợt 6 số tiền 3.024.000 đồng ngày 16/06/2025. Còn lại 150.273.920 đồng, lãi suất từ ngày 16/06/2025 đến ngày 18/06/2025 là $150.273.920 \text{ đồng} \times 10\%/12 \times 2 \text{ ngày} = 83.486 \text{ đồng}$.

- Thanh toán đợt 7 số tiền 756.000 đồng ngày 19/06/2025. Còn lại 149.517.920 đồng, lãi suất từ ngày 19/06/2025 đến ngày 23/06/2025 là $149.517.920 \text{ đồng} \times 10\%/12 \times 4 \text{ ngày} = 166.131 \text{ đồng}$.

- Thanh toán đợt 8 số tiền 7.560.000 đồng ngày 23/06/2025. Còn lại 141.957.920 đồng, lãi suất từ ngày 24/06/2025 đến ngày 25/06/2025 là $141.957.920 \text{ đồng} \times 10\%/12 \times 01 \text{ ngày} = 39.433 \text{ đồng}$.

- Thanh toán đợt 9 số tiền 3.780.000 đồng ngày 26/06/2025. Còn lại 138.177.920 đồng, lãi suất từ ngày 26/06/2025 đến ngày 20/03/2026 là $138.177.920 \text{ đồng} \times 10\%/12 \times 8 \text{ tháng } 27 \text{ ngày} = 10.248.196 \text{ đồng}$.

b. Hóa đơn số 1237 ngày 31/08/2024: Ngày 30/8/2024, Công ty X đã giao 1.160 tấm ván ép phủ phim, tương ứng tổng số tiền phải thanh toán là 399.070.800 đồng; lãi suất tính từ ngày 30/09/2024 đến ngày 20/03/2026 như sau : $399.070.800 \text{ đồng} \times 10\%/12 \times 17 \text{ tháng } 26 \text{ ngày} = 59.417.208 \text{ đồng}$ 17 tháng 26 ngày = 59.417.208 đồng.

c. Hóa đơn số 1379 ngày 28/09/2024: Ngày 28/9/2024, Công ty X đã giao 1.061 tấm ván ép phủ phim, tương ứng tổng số tiền phải thanh toán là 374.702.760 đồng; lãi suất tính từ ngày 28/10/2024 đến ngày 20/03/2026 như sau: $374.702.760 \text{ đồng} \times 10\%/12 \times 16 \text{ tháng } 28 \text{ ngày} = 52.874.723 \text{ đồng}$.

d. Hóa đơn số 1940 ngày 31/12/2024: Ngày 31/12/2024, Công ty X đã giao 285 tấm ván ép phủ phim, tương ứng tổng số tiền phải thanh toán là 99.727.200 đồng; lãi chậm trả tính từ ngày 30/01/2025 đến ngày 20/03/2026 như sau : $99.727.200 \text{ đồng} \times 10\%/12 \times 13 \text{ tháng } 24 \text{ ngày} = 11.468.628 \text{ đồng}$.

e. Hóa đơn số 113 ngày 25/01/2025: Ngày 25/01/2025, Công ty X đã giao 215 tấm ván ép phủ phim, tương ứng tổng số tiền phải thanh toán là 75.232.800 đồng; lãi chậm trả tính từ ngày 24/02/2025 đến ngày 20/03/2026 như sau: $75.232.800 \text{ đồng} \times 10\%/12 \times 12 \text{ tháng } 29 \text{ ngày} = 8.129.322 \text{ đồng}$.

Tổng cộng, tiền lãi là 161.783.373 đồng.

Nay, Công ty A khởi kiện yêu cầu Công ty X thanh toán số tiền nợ gốc là 1.086.911.840 (một tỷ, không trăm tám mươi sáu triệu, chín trăm mười một nghìn, tám trăm bốn mươi đồng); nợ lãi là 161.783.373 đồng; tổng cộng là: 1.248.694.853 đồng (một tỷ, hai trăm bốn mươi tám triệu, sáu trăm chín mươi bốn nghìn, tám trăm năm mươi ba đồng).

Công ty X phải tiếp tục chịu lãi suất do pháp luật quy định kể từ ngày 21/3/2026 cho đến khi Tòa án đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm.

Bị đơn Công ty TNHH MTV X: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng cho bị đơn Công ty X tại trụ sở Công ty. Tuy nhiên, Công ty X không đến Tòa án tham gia tố tụng, không gửi văn bản trình bày ý kiến trước yêu cầu khởi kiện

của nguyên đơn, không có đơn yêu cầu phản tố và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Đồng thời, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn gửi bảng kê chi tiết số tiền gốc và lãi phát sinh tính đến ngày 20/3/2026: Tính đến ngày 20/3/2026, bị đơn Công ty X còn nợ số tiền gốc là 1.086.911.840 (một tỷ, không trăm tám mươi sáu triệu, chín trăm mười một nghìn, tám trăm bốn mươi đồng); nợ lãi là 161.783.373 đồng; tổng cộng là: 1.248.694.853 đồng (một tỷ, hai trăm bốn mươi tám triệu, sáu trăm chín mươi bốn nghìn, tám trăm năm mươi ba đồng).

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Các đương sự đã thực hiện đúng và đầy đủ về quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật, Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH A (Việt Nam) đối với bị đơn Công ty TNHH MTV X về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Công ty A yêu cầu bị đơn Công ty X thanh toán tiền nợ gốc và tiền lãi chậm thanh toán từ việc mua bán hàng hóa là vấn đề phù hợp. Từ nội dung tranh chấp nêu trên, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án “tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền: Do bị đơn Công ty X có địa chỉ tại: Số D, đường Đ, khu phố P, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.3] Về việc tham gia phiên tòa của đương sự:

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn Công ty X: Tại các bút lục từ 54 đến 56 thể hiện: Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho Công ty X nhưng không có người nhận, công ty đóng cửa. UBND phường B xác nhận Công ty X có trụ sở tại Số D, đường Đ, khu phố P, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng hiện nay Công ty không còn hoạt động; không biết trụ sở mới công ty ở đâu.

Văn bản số 741/ĐKKD-THK2 ngày 21/01/2026, Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Tài chính Thành phố H xác nhận Công ty X có mã số doanh nghiệp: 3702409977, đăng ký lần đầu ngày 02/11/2015, đăng ký thay đổi lần thứ 05 ngày 08/01/2025; địa chỉ công ty: Số D, đường Đ, khu phố P, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh; người đại diện theo pháp luật là bà Võ Thị Bích T.

Tình trạng pháp lý: Công ty X chưa đăng ký thay đổi nội dung hay giải thể doanh nghiệp.

Căn cứ Điều 180 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án đã thực hiện đăng công khai trên phương tiện thông tin đại chúng; thời điểm thực hiện các thủ tục tố tụng tại Tòa án theo Thông báo số 01/2026/TB-TA ngày 28/01/2026 (bút lục 108) nhưng bị đơn Công ty X và người đại diện hợp pháp của công ty vẫn vắng mặt không có lý do. Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung

[2.1] Về số tiền nợ gốc: Nguyên đơn Công ty A khởi kiện yêu cầu Công ty X số tiền nợ gốc là 1.086.911.840 (một tỷ, không trăm tám mươi sáu triệu chín trăm mười một nghìn tám trăm bốn mươi đồng); nợ lãi là 161.783.373 đồng; tổng cộng là: 1.248.694.853 đồng (một tỷ, hai trăm bốn mươi tám triệu sáu trăm chín mươi bốn nghìn tám trăm năm mươi ba đồng).

Xét: Tài liệu, chứng cứ nguyên đơn xuất trình để khởi kiện bị đơn là Hợp đồng nguyên tắc số 202401/DOTICONS-AKATI ngày 01 tháng 06 năm 2024, bảng đối chiếu công nợ từ ngày 01/08/2024 đến ngày 31/10/2024, xác nhận kiểm toán ngày 22/04/2025; các phiếu xuất hàng và các đơn đặt hàng tương ứng với các hóa đơn giá trị gia tăng gồm: Hóa đơn số 1235 ngày 31/08/2024; số 1237 ngày 31/08/2024; số 1379 ngày 28/09/2024; số 1940 ngày 31/12/2024; số 113 ngày 25/01/2025. Ngày 22/4/2025, Công ty A đã gửi đơn xác nhận đến Công ty X về số tiền còn nợ là: 1.158.399.160 đồng. Công ty X do bà Võ Thị Bích T là người đại diện theo pháp luật đã xác nhận số tiền còn nợ Công ty A là 1.158.399.160 đồng. Tính đến nay, Công ty X đã thanh toán được cho Công ty A số tiền: 71.487.680 đồng, còn nợ tiền gốc: 1.086.911.480 đồng.

Xét thấy, bị đơn đã nhận hàng hóa của nguyên đơn giao, ký nhận hàng tại các phiếu xuất hàng do nguyên đơn lập xác nhận khối lượng hàng hóa đã nhận và đã xác nhận số tiền còn nợ Công ty A là 1.158.399.160 đồng. Nhưng bị đơn đã không thanh toán tiền hàng cho nguyên đơn theo đúng cam kết là đã vi phạm thỏa thuận của các bên về thời hạn thanh toán và vi phạm nghĩa vụ thanh toán của bên mua quy định tại Điều 50 của Luật Thương mại. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền gốc còn nợ là 1.086.911.480 đồng (một tỷ, không trăm tám mươi sáu triệu chín trăm mười một nghìn tám trăm bốn mươi đồng) là có căn cứ chấp nhận, phù hợp quy định tại các Điều: 50, 55 của Luật Thương mại.

[2.2] Về tiền lãi chậm trả: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi chậm trả theo từng hóa đơn với lãi suất 0,0083%/tháng (tương ứng 10%/năm), cụ thể:

a. Hóa đơn số 1235 ngày 31/08/2024: Lãi suất từ ngày 30/09/2024 đến ngày 29/12/2024 là $409.665.600 \text{ đồng} \times 10\%/12 \times 3 \text{ tháng} = 10.416.400 \text{ đồng}$.

- Thanh toán đợt 1 số tiền 100.000.000 đồng ngày 30/12/2024. Còn lại 309.665.600 đồng, lãi suất từ ngày 30/12/2024 đến ngày 23/01/2025 là $309.665.600 \text{ đồng} \times 10\%/12 \times 24 \text{ ngày} = 2.064.437 \text{ đồng}$.

- Thanh toán đợt 2 số tiền 100.000.000 đồng ngày 24/01/2025. Còn lại 209.665.600đ, lãi suất từ ngày 24/01/2025 đến ngày 31/03/2025 là $209.665.600 \text{ đồng} \times 10\%/12 \times 2 \text{ tháng} 6 \text{ ngày} = 3.843.869 \text{ đồng}$.

- Thanh toán đợt 3 số tiền 50.000.000 đồng ngày 01/04/2025. Còn lại 159.665.600 đồng, lãi suất từ ngày 01/04/2025 đến ngày 25/05/2025 là $159.665.600 \text{ đồng} \times 10\%/12 \times 1 \text{ tháng} = 2.394.984 \text{ đồng}$.

- Thanh toán đợt 4 số tiền 2.328.480 đồng ngày 26/05/2025. Còn lại 157.337.120 đồng, lãi suất từ ngày 26/05/2025 đến ngày 28/05/2025 là $157.337.120 \text{ đồng} \times 10\%/12 \times 2 \text{ ngày} = 87.410 \text{ đồng}$.

- Thanh toán đợt 5 số tiền 4.039.200 đồng ngày 29/05/2025. Còn lại 153.297.920 đồng, lãi suất từ ngày 29/05/2025 đến ngày 15/06/2025 là $153.297.920 \text{ đồng} \times 10\%/12 \times 17 \text{ ngày} = 723.907 \text{ đồng}$.

- Thanh toán đợt 6 số tiền 3.024.000 đồng ngày 16/06/2025. Còn lại 150.273.920 đồng, lãi suất từ ngày 16/06/2025 đến ngày 18/06/2025 là $150.273.920 \text{ đồng} \times 10\%/12 \times 2 \text{ ngày} = 83.486 \text{ đồng}$.

- Thanh toán đợt 7 số tiền 756.000 đồng ngày 19/06/2025. Còn lại 149.517.920 đồng, lãi suất từ ngày 19/06/2025 đến ngày 23/06/2025 là $149.517.920 \text{ đồng} \times 10\%/12 \times 4 \text{ ngày} = 166.131 \text{ đồng}$.

- Thanh toán đợt 8 số tiền 7.560.000 đồng ngày 23/06/2025. Còn lại 141.957.920 đồng, lãi suất từ ngày 24/06/2025 đến ngày 25/06/2025 là $141.957.920 \text{ đồng} \times 10\%/12 \times 01 \text{ ngày} = 39.433 \text{ đồng}$.

- Thanh toán đợt 9 số tiền 3.780.000 đồng ngày 26/06/2025. Còn lại 138.177.920 đồng, lãi suất từ ngày 26/06/2025 đến ngày 20/03/2026 là $138.177.920 \text{ đồng} \times 10\%/12 \times 08 \text{ tháng} = 10.248.196 \text{ đồng}$.

b. Hóa đơn số 1237 ngày 31/08/2024 là $399.070.800 \text{ đồng} \times 10\%/12 \times 17 \text{ tháng} = 59.417.208 \text{ đồng}$.

c. Hóa đơn số 1379 ngày 28/09/2024 là $374.702.760 \text{ đồng} \times 10\%/12 \times 16 \text{ tháng} = 52.874.723 \text{ đồng}$.

d. Hóa đơn số 1940 ngày 31/12/2024 là $99.727.200 \text{ đồng} \times 10\%/12 \times 13 \text{ tháng} = 11.468.628 \text{ đồng}$.

e. Hóa đơn số 113 ngày 25/01/2025 là $75.232.800 \text{ đồng} \times 10\%/12 \times 12 \text{ tháng} = 8.129.322 \text{ đồng}$.

Tổng cộng, tiền lãi là 161.783.373 đồng.

Điều 306 của Luật Thương mại quy định: “*Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác*”. Căn cứ vào bảng lãi suất do Ngân hàng N, Ngân hàng TMCP N1 và Ngân hàng TMCP C cung cấp thì việc Công ty A yêu cầu lãi suất 10%/năm là phù hợp nên được chấp nhận theo Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Theo Hợp đồng nguyên tắc số 202401/DOTICONS-AKATI ngày 01 tháng 06 năm 2024 thì tiền lãi quy định: Sau 30 ngày kể từ ngày nhận hóa đơn bán hàng...Do đó, tiền lãi được tính như sau:

a. Hóa đơn số 1235 ngày 31/08/2024, số tiền chưa thanh toán là 409.665.600 đồng. Lãi suất từ ngày 30/09/2024 đến ngày 29/12/2024 là $409.665.600 \text{ đồng} \times 10\%/12 \times 3 \text{ tháng} = 10.416.400 \text{ đồng}$.

- Thanh toán đợt 1 số tiền 100.000.000 đồng ngày 30/12/2024. Còn lại 309.665.600 đồng, lãi suất từ ngày 30/12/2024 đến ngày 23/01/2025 là $309.665.600 \text{ đồng} \times 10\%/12 \times 24 \text{ ngày} = 2.064.437 \text{ đồng}$.

- Thanh toán đợt 2 số tiền 100.000.000 đồng ngày 24/01/2025. Còn lại 209.665.600 đồng, lãi suất từ ngày 24/01/2025 đến ngày 31/03/2025 là $209.665.600 \text{ đồng} \times 10\%/12 \times 2 \text{ tháng} 6 \text{ ngày} = 3.843.869 \text{ đồng}$

- Thanh toán đợt 3 số tiền 50.000.000 đồng ngày 01/04/2025. Còn lại 159.665.600 đồng, lãi suất từ ngày 01/04/2025 đến ngày 25/05/2025 là $159.665.600 \text{ đồng} \times 10\%/12 \times 1 \text{ tháng} 24 \text{ ngày} = 2.394.984 \text{ đồng}$

- Thanh toán đợt 4 số tiền 2.328.480 đồng ngày 26/05/2025. Còn lại 157.337.120 đồng, lãi suất từ ngày 26/05/2025 đến ngày 28/05/2025 là $157.337.120 \text{ đồng} \times 10\%/12 \times 2 \text{ ngày} = 87.410 \text{ đồng}$.

- Thanh toán đợt 5 số tiền 4.039.200 đồng ngày 29/05/2025. Còn lại 153.297.920 đồng, lãi suất từ ngày 29/05/2025 đến ngày 15/06/2025 là $153.297.920 \text{ đồng} \times 10\%/12 \times 17 \text{ ngày} = 723.907 \text{ đồng}$.

- Thanh toán đợt 6 số tiền 3.024.000 đồng ngày 16/06/2025. Còn lại 150.273.920 đồng, lãi suất từ ngày 16/06/2025 đến ngày 18/06/2025 là $150.273.920 \text{ đồng} \times 10\%/12 \times 2 \text{ ngày} = 83.486 \text{ đồng}$

- Thanh toán đợt 7 số tiền 756.000 đồng ngày 19/06/2025. Còn lại 149.517.920 đồng, lãi suất từ ngày 19/06/2025 đến ngày 23/06/2025 là $149.517.920 \text{ đồng} \times 10\%/12 \times 4 \text{ ngày} = 166.131 \text{ đồng}$

- Thanh toán đợt 8 số tiền 7.560.000 đồng ngày 23/06/2025. Còn lại 141.957.920 đồng, lãi suất từ ngày 24/06/2025 đến ngày 25/06/2025 là $141.957.920 \text{ đồng} \times 10\%/12 \times 1 \text{ ngày} = 39.433 \text{ đồng}$

- Thanh toán đợt 9 số tiền 3.780.000 đồng ngày 26/06/2025. Còn lại 138.177.920 đồng, lãi suất từ ngày 26/06/2025 đến ngày 20/03/2026 là $138.177.920 \text{ đồng} \times 10\%/12 \times 8 \text{ tháng} 27 \text{ ngày} = 10.248.196 \text{ đồng}$

b. Hóa đơn số 1237 ngày 31/08/2024: Số tiền lãi tính từ ngày 30/09/2024 đến ngày 20/03/2026 là $399.070.800 \text{ đồng} \times 10\%/12 \times 17 \text{ tháng} 20 \text{ ngày} = 58.752.090 \text{ đồng}$.

c. Hóa đơn số 1379 ngày 28/09/2024: Số tiền lãi tính từ ngày 28/10/2024 đến ngày 20/03/2026 là $374.702.760 \text{ đồng} \times 10\%/12 \times 16 \text{ tháng} 22 \text{ ngày} = 52.250.216 \text{ đồng}$.

d. Hóa đơn số 1940 ngày 31/12/2024: Số tiền lãi tính từ ngày 30/01/2025 đến ngày 20/03/2026 là $99.727.200 \text{ đồng} \times 10\%/12 \times 13 \text{ tháng} 20 \text{ ngày} = 11.357.820 \text{ đồng}$.

e. Hóa đơn số 113 ngày 25/01/2025: Số tiền lãi tính từ ngày 24/02/2025 đến ngày 20/03/2026 là $75.232.800 \text{ đồng} \times 10\%/12 \times 12 \text{ tháng} 26 \text{ ngày} = 8.066.628 \text{ đồng}$.

Tổng số tiền lãi là: 160.189.064 đồng; không chấp nhận yêu cầu của Công ty A về việc yêu cầu Công ty X trả số tiền lãi: 1.594.309 đồng (161.783.373 đồng - 160.189.064 đồng).

[3] Từ phân tích nêu trên, có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của

nguyên đơn. Buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền gốc: 1.086.911.480 đồng và tiền lãi: 160.189.064 đồng, tổng cộng: 1.247.100.544 đồng.

[4] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về chi phí đăng báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Số tiền 8.000.000 đồng (tám triệu đồng), Công ty A tự nguyện chịu.

[6] Về án phí sơ thẩm: Bị đơn phải chịu theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều: 147, 227, 228, 180, 238, 244, 266, 267 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án

Các Điều: 24, 50, 55, 306 của Luật Thương mại;

Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH A (Việt Nam) đối với bị đơn Công ty TNHH MTV X về việc “tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”.

2.1. Buộc Công ty Công ty TNHH MTV X có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH A (Việt Nam) tổng số tiền là 1.247.100.544 đồng (một tỷ, hai trăm bốn mươi bảy triệu, một trăm nghìn, năm trăm bốn mươi bốn đồng); trong đó, tiền nợ gốc là 1.086.911.480 đồng (một tỷ, không trăm tám mươi sáu triệu, chín trăm mười một nghìn, bốn trăm tám mươi đồng) và tiền lãi là 160.189.064 đồng (một trăm sáu mươi triệu, một trăm tám mươi chín nghìn, không trăm sáu mươi bốn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2.2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH A (Việt Nam) về việc yêu cầu Công ty TNHH MTV X thanh toán số tiền lãi 1.594.309 đồng (một triệu, năm trăm chín mươi bốn nghìn, ba trăm lẻ chín đồng).

3. Về chi phí đăng báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Công ty TNHH A (Việt Nam) phải chịu 8.000.000 đồng (tám triệu đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp tại Tòa án.

4. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty TNHH MTV X phải chịu 49.413.016 đồng (bốn mươi chín triệu, bốn trăm mười ba nghìn không trăm mười sáu đồng).

Công ty TNHH A (Việt Nam) phải chịu 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0023935 ngày 07/10/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố H. Thi hành án dân sự Thành phố H trả lại cho Công ty A (Việt Nam) số tiền 23.275.000 đồng (hai mươi ba triệu, hai trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) còn thừa.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7A và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 15 - Tp. HCM;
- THADS Tp. Hồ Chí Minh;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**



Dương Thị Kim Thoa

